

Một số tác động từ Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 tới cầu lao động ở Việt Nam

DINH VĂN TỐI*

Toàn cầu hóa đã, đang và sẽ có những tác động đến tăng trưởng kinh tế và việc làm của Việt Nam. Bài viết sử dụng mô hình phân tích định lượng để đánh giá tác động từ việc ra đời Cộng đồng Kinh tế ASEAN năm 2015 đến cầu lao động của doanh nghiệp Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu giả định thị trường lao động ở Việt Nam là thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Các doanh nghiệp tuyển dụng lao động căn cứ vào mức lương được quyết định trước của thị trường để đảm bảo mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Giả định doanh nghiệp ở ngành j sản xuất dựa theo dạng hàm sản xuất Cobb-Douglas $Q_j = A^j K_j^\alpha L_j^\beta$, trong đó Q_j là giá trị sản xuất hoặc giá trị gia tăng và K_j , L_j là vốn và lao động của doanh nghiệp j , hàm cầu lao động (L) có thể xây dựng phụ thuộc vào tiền lương (W), chi phí vốn (C) và sản lượng đầu ra (Q) như sau:

$$\ln L_i = \theta_0 + \theta_1 \ln \left(\frac{W}{C} \right) + \theta_2 \ln Q_i \quad (1)$$

Trong đó

$$\theta_0 = -\frac{\gamma \ln A + \alpha \ln \alpha - \alpha \ln \beta}{\alpha + \beta}$$

$$\theta_1 = -\frac{\alpha}{\alpha + \beta} \text{ và } \theta_2 = -\frac{1}{\alpha + \beta}$$

Như vậy, nghiên cứu giả định đóng góp của vốn và lao động vào sản lượng là giống nhau đối với các doanh nghiệp trong cùng một ngành và chỉ khác nhau giữa các ngành.

Sử dụng (1) là phương trình cơ sở để đánh giá tác động của thay đổi độ mở cửa của các doanh nghiệp sang các nước ASEAN đến cầu lao động. Để đánh giá tác động của sự thay đổi khoa học, công nghệ (xuất phát từ các nguồn vốn đầu tư nước ngoài), yếu tố năng suất nhân tố

tổng hợp A_{jt} được tách khỏi tham số θ_0 , từ đó, một số biến đại diện cho các ngành có đầu tư FDI được đưa vào như sau:

$$\ln L_{ijt} = \beta_0 + \beta_{0j} * D_j + \theta_{1j} \ln \left(\frac{W_{ijt}}{C_{ijt}} \right) + \theta_{2j} \ln Q_{ijt} + \theta_{3j} \ln A_{ijt} + X_{ijt} \beta_1 + u_{ijt} \quad (2)$$

Trong đó: D_j là các biến giả đối với các ngành tiếp nhận các luồng vốn FDI và do đó β_{0j} là tác động của FDI đến các ngành trên; X_{ijt} là các biến thể hiện mức độ hội nhập mở cửa của Việt Nam. Do đó, ước lượng phương trình 2 sẽ tách biệt tác động của tự do hóa thương mại và tác động của đầu tư FDI đến việc làm.

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp hồi quy OLS (Ordinary least square - bình phương nhỏ nhất), trong đó phương trình ước lượng cụ thể như sau:

$$\ln L_{it} = \alpha + \beta_0 + \beta_1 \ln VA_{it} + \beta_2 \ln wage_t + \beta_3 TFP_{it} + \beta_4 X_{it} + \beta_5 Y_{it} + \epsilon$$

Trong đó: VA là giá trị gia tăng của ngành và $wage$ là tiền lương của ngành. Do hạn chế về số liệu, tác động của chi phí vốn (được đo bằng tỷ lệ lãi suất) được phản ánh thông qua hệ số β_0 . TFP là năng suất nhân tố tổng hợp phản ánh khả năng tiết kiệm lao động của ngành nếu như sự kết hợp giữa vốn và lao động càng hiệu quả. TFP được tính theo phương pháp Solow.

Đối với các yếu tố về mức độ mở cửa đối với khối ASEAN (X_{it}), nghiên cứu sử dụng các chỉ tiêu, như: tỷ lệ xuất khẩu trong giá trị gia tăng; tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng; tỷ lệ xuất nhập khẩu trong giá trị gia tăng; nguồn vốn FDI đầu tư vào ngành và thuế suất của ngành. Các chỉ tiêu về xuất - nhập khẩu được tính toán cho các ngành cấp 5, trong đó thuế quan được tính dựa theo phương pháp bình quân trọng số, với các trọng số là giá trị nhập khẩu của các doanh nghiệp thuộc ngành xuất sang các nước ASEAN. Hệ số đi kèm với các biến trên chính là độ lớn tác động của hội nhập ASEAN đến các yếu tố cần quan sát.

Ngoài ra, trong mô hình còn đưa vào các biến kiểm soát: vùng kinh tế (6 vùng), ngành (dệt may, da giày;

* Th.S., Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Email: dinhvantoi@gmail.com

BẢNG 1: KẾT QUẢ HỒI QUY LOGARIT LAO ĐỘNG VÀ LOGARIT VA THEO XUẤT-NHẬP KHẨU

	OLS		2SLS (Two Stage Least Squares - hồi quy 2 giai đoạn)
	Lao động	VA	
Ln(XNK/VA)	0.037*	-0.521***	0.299***
	[-0.0152]	[-0.0057]	[-0.0074]
Ln(XNK/VA) khu vực ASEAN	0.01	-0.481***	0.376***
	[-0.0091]	[-0.0067]	[-0.0083]
<i>Biến tương tác ngành</i>			
Dệt may, da giày*Ln(XNK/VA)	-0.007		
	[-0.0118]		
Chế biến thực phẩm*Ln(XNK/VA)	-0.060***		
	[-0.0132]		
Điện, điện tử*Ln(XNK/VA)	-0.038*		
	[-0.0183]		
Dệt may, da giày*Ln(XNK/VA) khu vực ASEAN	-0.017		
	[-0.0102]		
Chế biến thực phẩm*Ln(XNK/VA) khu vực ASEAN	-0.086***		
	[-0.0126]		
Điện, điện tử*Ln(XNK/VA) khu vực ASEAN	-0.031		
	[-0.0161]		

* p<0.05, ** p<0.01, *** p<0.001

chế biến thực phẩm; điện, điện tử và các ngành khác). Các biến thể hiện đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp, như: tài sản cố định, tỷ suất vốn trên lao động.

Số liệu được nghiên cứu chủ yếu lấy từ cuộc điều tra doanh nghiệp giai đoạn 2007-2011 và các số liệu thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê tiến hành. Các số liệu thể hiện mức độ hội nhập, mở cửa của nền kinh tế, như: xuất-nhập khẩu được lấy từ số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê. Cơ sở nghiên cứu này là bộ số liệu gộp của hơn 600 ngành kinh doanh cấp 5 giai đoạn 2007-2011 (*Bài viết sử dụng cách viết thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG

Tác động của các yếu tố hội nhập đến lao động và đầu ra của ngành

Theo lý thuyết, khi hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp gia tăng sẽ giúp các doanh nghiệp có sự gia tăng về sản lượng đầu ra. Nhưng, theo tính toán của tác giả, kết quả hồi quy logarit lao động và logarit giá trị gia tăng (VA) theo xuất khẩu cho thấy, chiều hướng ngược lại, tỷ trọng xuất khẩu trong giá trị gia tăng ở các ngành tăng làm cho giá trị gia tăng của các ngành giảm xuống. Tỷ trọng xuất khẩu trong giá trị gia tăng tăng lên 1% làm sản lượng đầu ra của ngành giảm 0.54%. Điều này cho thấy, các ngành tăng trưởng về giá trị gia tăng sẽ có xu hướng giảm tỷ lệ xuất khẩu sang ASEAN. Nói cách khác, dường như xuất khẩu sang các nước ASEAN chưa phải là động lực để các ngành mở rộng sản xuất.

Kết quả cũng cho thấy, mức độ tập trung nhập khẩu sang các nước ASEAN lại không làm cho giá trị gia

tăng của ngành đó tăng lên. Khi hoạt động nhập khẩu càng tập trung vào các nước ASEAN, thì sản lượng đầu ra của ngành cũng giảm. Khi tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng lên 1%, thì giá trị gia tăng của ngành giảm 0.6%.

Kết quả hồi quy OLS cho thấy, các hoạt động về xuất khẩu tác động tích cực đến lao động như kỳ vọng. Tuy nhiên, hệ số tác động không có ý nghĩa thống kê, chỉ ở mức 10%. Cùng với một mức gia tăng về hoạt động xuất khẩu như nhau trong các ngành, thì lao động của ngành dệt may, da giày, chế biến lương thực, thực phẩm và điện, điện tử tăng chậm hơn lao động của ngành khai khoáng. Khi tỷ lệ xuất khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng 1%, thì lao động ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng chậm hơn lao động ngành khai khoáng 0.09% và chậm hơn so với các ngành dệt may, da giày lần lượt là 0.02% và 0.03%. Nhưng, hệ số này không có ý nghĩa thống kê mức 10%.

Sau khi loại bỏ đi tính nội sinh của giá trị gia tăng bằng hồi quy hai bước, ta có thể thấy, tất cả các yếu tố về hoạt động xuất khẩu của ngành đều có tác động tích cực đến lao động trong các ngành. Nếu tính đến các yếu tố dẫn suất của lao động, khi tỷ trọng xuất khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng lên 1%, thì lao động tăng 0.33%.

Trong khi đó, nhập khẩu nói chung làm giảm lao động ở các ngành, nhưng hoạt động nhập khẩu hàng hóa từ ASEAN, lại làm cho lao động gia tăng. Mặc dù vậy, theo kết quả hồi quy logarit lao động và logarit VA theo nhập khẩu, mà tác giả tính toán, các hệ số này đều không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Kết quả hồi quy cũng cho thấy, xu hướng cùng một mức gia tăng về hoạt động nhập khẩu, thì số lao động trong ngành khai khoáng có tốc độ tăng nhanh nhất, các ngành còn lại có mức gia tăng lao động không khác nhau về ý nghĩa thống kê. Mức độ tập trung nhập khẩu trong tổng giá trị gia tăng làm tăng lao động của ngành, với 1% gia tăng tỷ trọng giá trị nhập khẩu tại khu vực ASEAN, thì lao động sẽ tăng lên 0.3%.

Nếu gộp cả hai kênh mở cửa hội nhập là xuất khẩu và nhập khẩu, kết quả cho thấy, tỷ lệ xuất-nhập khẩu trong giá trị gia tăng tăng lên, thì lao động ngành cũng tăng lên, song giá trị gia tăng của

ngành lại giảm xuống (Bảng 1). Tỷ trọng xuất-nhập khẩu trong giá trị gia tăng tăng lên 1%, thì lao động tăng thêm 0.04% và giá trị gia tăng giảm đi 0.5%. Tỷ lệ xuất-nhập khẩu sang ASEAN trong giá trị gia tăng nhìn chung không có ý nghĩa thống kê đến lao động.

Tác động của FDI và thuế suất đến lao động và tăng trưởng

Để thấy rõ ảnh hưởng của FDI và thuế suất đến lao động và đầu ra của các ngành, nghiên cứu tiến hành hồi quy thêm lượng vốn đầu tư FDI vào Việt Nam và thuế suất nhập khẩu bình quân của các ngành (Bảng 2).

Đầu tư FDI vào Việt Nam càng tăng, thì lao động và giá trị gia tăng càng tăng. Khi lượng vốn đầu tư của khu vực ASEAN vào Việt Nam tăng thêm 1% thì lao động tăng thêm 0.24% và giá trị gia tăng tăng thêm 0.06%. Khi thuế suất nhập khẩu giảm, lượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tăng và làm lao động trong các ngành giảm xuống.

Theo ngành, dường như những doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào chế biến lương thực thực phẩm làm tăng số lao động nhiều hơn các ngành khác. Với cùng một mức tăng FDI vào Việt Nam, thì lao động ngành chế biến thực phẩm tăng nhiều hơn so với ngành khai khoáng là 0.11%, trong khi 2 ngành còn lại có xu hướng lao động tăng chậm hơn. Tuy nhiên, kết quả hồi quy với khu vực ASEAN, thì lại khác, đầu tư từ các nước ASEAN vào khai khoáng có tác động làm tăng lao động nhiều hơn so với các ngành khác.

Thuế suất có xu hướng ngược lại hoàn toàn với các yếu tố hội nhập ở trên, khi thuế suất nhập khẩu hàng hóa ở khu vực ASEAN tăng lên cùng một mức, thì lao động ngành khai khoáng lại có mức tăng chậm nhất. Mức tăng nhanh nhất là ngành chế biến thực phẩm, với mức tăng lao động nhiều hơn ngành khai khoáng là 0.33%. Rõ ràng, thuế suất không có nhiều tác động trực tiếp đến các lao động của các ngành kinh tế như kỳ vọng.

Tác động của hội nhập ASEAN tới lao động kỹ năng và phi kỹ năng

Kết quả hồi quy cho thấy, xu hướng lao động có kỹ năng trong các ngành gia tăng khi tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng và giảm khi tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng chung là tăng. Mặc dù vậy, các kết quả này không có ý nghĩa thống kê, chỉ ở mức 10% (Bảng 3).

BẢNG 2: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG LOGARIT LAO ĐỘNG VÀ LOGARIT VA THEO FDI VÀ THUẾ SUẤT

	OLS		2SLS
	Lao động	VA	
Ln(FDI)	0.037 [-0.0277]	0.023** [-0.0089]	2.5380 [-1.7776]
Ln(FDI) từ khu vực ASEAN	0.244* [-0.1027]	0.064** [-0.0202]	-72.4940 [-1832.588]
Thuế suất nhập khẩu từ ASEAN	-0.262 [-0.1811]	-0.032* [-0.0125]	-0.4060 [-0.6894]
Biến tương tác ngành			
Dệt may, da giày*Ln(FDI)	-0.069* [-0.0303]		
Chế biến thực phẩm*Ln(FDI)	0.107** [-0.0335]		
Điện, điện tử*Ln(FDI)	-0.006 [-0.0327]		
Dệt may, da giày*Ln(FDI) từ khu vực ASEAN	-0.371*** [-0.1019]		
Chế biến thực phẩm*Ln(FDI) từ khu vực ASEAN	-0.312* [-0.1268]		
Điện, điện tử*Ln(FDI) từ khu vực ASEAN	-0.299** [-0.1123]		
Dệt may, da giày*Thuế suất nhập khẩu từ ASEAN	0.332 [-0.1833]		
Chế biến thực phẩm*Thuế suất nhập khẩu từ ASEAN	0.334 [-0.1717]		
Điện, điện tử*Thuế suất nhập khẩu từ ASEAN	0.303 [-0.1810]		

* p<0.05, ** p<0.01, *** p<0.001

BẢNG 3: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG LOGARIT LAO ĐỘNG KỸ NĂNG

	ln(LĐ phi kỹ năng)	Tỷ lệ LĐ phi kỹ năng
Ln(NK/VA)	-0.029 [-0.0628]	1.099 [-0.9648]
Ln(NK/VA) khu vực ASEAN	0.099 [-0.0611]	0.877 [-0.6404]
Tỷ lệ 0.25<NK/VA<=0.75	-0.399 [-0.4194]	-0.054 [-0.3639]
Tỷ lệ NK/VA>0.75	-0.144 [-0.4022]	-1.218* [-0.5629]
Biến tương tác ngành		
Điện, điện tử*Ln(NK/VA)	-0.161** [-0.0508]	-0.148 [-0.0899]
Điện, điện tử*Ln(NK/VA) khu vực ASEAN	-0.108* [-0.05]	-0.135 [-0.088]

* p<0.05, ** p<0.01, *** p<0.001

Lý thuyết kinh tế chỉ ra rằng, nhập khẩu gia tăng, thì lao động có kỹ năng trong các ngành công nghệ cao, như: điện, điện tử sẽ có mức tăng cao hơn ngành khai khoáng. Kết quả hồi quy lại cho kết quả ngược lại,

BẢNG 4: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG LOGARIT LAO ĐỘNG PHI KỸ NĂNG

	ln(LĐ kỹ năng)	Tỷ lệ LĐ kỹ năng
Ln(XK/VA)	-0.044	0.078
	[-0.041]	[-0.098]
Ln(XK/VA) khu vực ASEAN	0.059*	0.229*
	[-0.0229]	[-0.1037]
Tỷ lệ $0.25 < XK/VA \leq 0.75$	0.556	-0.016
	[-0.3254]	[-0.2466]
Tỷ lệ $XK/VA > 0.75$	0.165*	-0.240*
	[-0.0818]	[-0.1089]
Biến tương tác ngành		
Dệt may, da giày*Ln(XK/VA)	0.026	-0.225
	[-0.0286]	[-0.1793]
Chế biến thực phẩm*Ln(XK/VA)	-0.093**	-0.31
	[-0.0323]	[-0.1899]
Dệt may, da giày *Ln(XK/VA) khu vực ASEAN	0.029	-0.162
	[-0.0251]	[-0.125]
Chế biến thực phẩm *Ln(XK/VA) khu vực ASEAN	-0.097**	-0.259
	[-0.0302]	[-0.1464]

* $p < 0.05$, ** $p < 0.01$, *** $p < 0.001$

khi tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng thêm cùng một mức, thì lao động có kỹ năng trong ngành điện, điện tử tăng chậm hơn ngành khai khoáng là 0.11%. Nguyên nhân ở đây có thể là do ngành khai khoáng hiện đang thu hút một số lượng lớn lao động và việc đầu tư trang, thiết bị đang dần dần thu hút ngày càng nhiều lao động kỹ năng so với các ngành khác.

Khi tỷ lệ xuất khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng lên 1%, thì lao động phi kỹ năng cũng tăng lên 0.06%. Thế nhưng, tỷ lệ xuất khẩu trong giá trị gia tăng nói chung tăng lên lại làm cho lao động giảm xuống, nhưng không có ý nghĩa thống kê mức 10% (Bảng 4).

Khi xuất khẩu hàng hóa tăng lên, thì xu hướng nhu cầu lao động không có kỹ năng trong ngành dệt may, da giày là tăng nhanh nhất, tiếp đến là ngành khai khoáng và cuối cùng là ngành chế biến thực phẩm. Cùng một mức tăng về tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng ở khu vực ASEAN, thì lao động ngành dệt may, da giày tăng nhanh hơn ngành khai khoáng là 0.03%; ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng chậm hơn ngành khai khoáng là 0.1%.

MỘT VÀI KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, ảnh hưởng trái chiều của các yếu tố hội nhập ASEAN đến đầu ra của các ngành sản xuất, các ngành tăng trưởng về giá trị gia tăng sẽ có xu hướng giảm tỷ lệ xuất - nhập khẩu vào ASEAN. Tuy nhiên, các yếu tố hội nhập ASEAN lại có tác động tích cực đến lao động. Cùng với một mức gia tăng về hoạt động xuất khẩu như nhau trong các ngành, lao động của ngành dệt may, da giày; chế biến lương thực, thực phẩm và điện, điện tử tăng chậm hơn lao động của ngành khai khoáng. Khi tỷ lệ xuất khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng 1%, thì lao động ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng chậm hơn lao động ngành khai khoáng 0.09%; chậm hơn so với các ngành dệt may, da giày lần lượt là 0.02% và 0.03%. Tỷ trọng xuất - nhập khẩu trong giá trị gia tăng tăng lên 1%, thì lao động tăng thêm 0.04% và giá trị gia tăng giảm đi 0.5%.

Đầu tư FDI vào Việt Nam càng tăng, thì lao động và giá trị gia tăng càng tăng. Khi lượng vốn đầu tư của khu vực ASEAN vào Việt Nam tăng thêm 1%, thì lao động tăng thêm 0.24% và giá trị gia tăng tăng thêm 0.06%.

Trong khi xuất khẩu có khả năng tác động nhiều đến lao động phi kỹ năng, nhập khẩu thường đi kèm với việc tuyển dụng ngày càng nhiều hơn lao động kỹ năng. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng lao động có kỹ năng trong các ngành gia tăng khi tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN tăng và giảm khi tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng chung là tăng.

Cùng một mức tăng về tỷ lệ nhập khẩu trong giá trị gia tăng khu vực ASEAN, thì lao động ngành dệt may, da giày tăng nhanh hơn ngành khai khoáng là 0.03% và ngành chế biến lương thực thực phẩm tăng chậm hơn ngành khai khoáng là 0.1%. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2006). *Quyết định số 09/2006/QĐ-BTC, ngày 28/02/2006 về danh mục hàng hóa và định mức thuế suất nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA giai đoạn 2006-2013*
2. Bộ Công Thương (2010). *Hợp tác kinh tế Việt Nam với ASEAN và ASEAN mở rộng*
3. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2008). *Dự báo tác động của tăng trưởng kinh tế và hội nhập giai đoạn 2011-2020 tới lao động việc làm và các vấn đề xã hội*